

Số: **5091**/UBND-KT  
V/v kế hoạch phát triển  
kinh tế - xã hội và dự  
toán ngân sách nhà nước  
năm 2022 thuộc lĩnh vực  
công tác dân tộc trên  
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Theo hiện nội dung Công văn số 1016/UBNDT-KHTC ngày 23/7/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thuộc lĩnh vực công tác dân tộc, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thuộc lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh như sau:

### **Phần I**

## **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẰNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

### **A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO**

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh và các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2021 – 2025 đã xác định “*Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi*” là một trong bốn nhiệm vụ đột phá. Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX của tỉnh và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030. Chương trình công tác năm 2021 của UBND tỉnh cũng đã xác định nhiệm vụ Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 là nhiệm vụ quan trọng cùng với việc triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, chính sách dân tộc đã được giao kế hoạch vốn năm 2021.

Trên cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; các sở ngành, địa phương đã chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác dân tộc, chuẩn bị nội dung để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN; triển khai thực hiện các chính sách dân tộc khác trong năm 2021 như: Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg;

chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số, thanh tra việc thực hiện một số Chương trình, chính sách dân tộc tại huyện Minh Long...

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

### **I. Kết quả thực hiện các Chương trình, chính sách do Trung ương ban hành**

#### **1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình)**

Thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14, Nghị quyết số 120/2020/QH14 và Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 24/11/2020 để triển khai thực hiện Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình.

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc kết quả rà soát, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025 và đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDDT đã phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I và danh sách các thôn ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tại các Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Căn cứ Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh báo cáo UBDDT kết quả rà soát, xác định danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021.

Về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia: Tỉnh Quảng Ngãi không thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN riêng mà chỉ kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh Quảng Ngãi (tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 20/4/2021); theo đó, phân công Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh làm Ủy viên Thường trực Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN, Ban Dân tộc tỉnh làm cơ quan Thường trực của Chương trình.

Về xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình: Căn cứ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-

2025 do Ủy ban Dân tộc xây dựng; UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì làm việc với các sở ngành và UBND các huyện miền núi để cung cấp thông tin, đồng thời hướng dẫn UBND các huyện rà soát số liệu, xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện để tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tuy nhiên, đến nay Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025; các Bộ ngành Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện nên chưa có cơ sở để tổng hợp hoàn thiện và ban hành Kế hoạch thực hiện.

Về xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; phương án phân bổ vốn trung hạn và hằng năm của Chương trình: Theo đề nghị của UBND, UBND tỉnh đã tham gia góp ý đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN, giai đoạn 2021 – 2025. Tuy nhiên, hiện nay Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quyết định nên chưa có cơ sở để địa phương xây dựng và triển khai thực hiện.

## **2. Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg**

- Về kế hoạch vốn giao: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2021 là 3.642 triệu đồng (trong đó Ban Dân tộc tỉnh là 1.490 triệu đồng và các địa phương là 2.152 triệu đồng).

- Về kết quả thực hiện:

+ UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh thực hiện cấp báo Quảng Ngãi, báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín từ tháng 01/2021; thực hiện cấp 306 radio cho người có uy tín; tổ chức cho 42 người có uy tín đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh phía Nam (từ ngày 23-29/4/2021); tổ chức đón tiếp, gặp mặt Đoàn đại biểu người có uy tín của huyện Sơn Hà; tổ chức thăm hỏi, động viên 22 người có uy tín ốm đau, 05 người qua đời. Tổ chức thăm hỏi, gặp mặt người có uy tín trong đồng bào DTTS của huyện Nghĩa Hành để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và động viên người có uy tín tuyên truyền về đồng bào DTTS tại địa phương chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Tại các huyện: Tổ chức các hội nghị phổ biến, tuyên truyền; tổ chức Đoàn đại biểu người có uy tín đi tham quan học tập trong tỉnh. Các địa phương đã chủ động thăm hỏi, động viên người có uy tín, gia đình người có uy tín gặp khó khăn, ốm đau, qua đời theo quy định.

- Về kết quả giải ngân vốn: Tổng kinh phí đã giải ngân là 1.406,5 triệu đồng, đạt 38,6% kế hoạch vốn giao.

## **3. Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018**

Tổng kế hoạch vốn năm 2021 là 200 triệu đồng. Thực hiện chỉ đạo của tỉnh, hiện nay Ban Dân tộc tỉnh đang phối hợp Học viện Dân tộc (*thuộc Ủy ban Dân tộc*) để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên hiện nay chưa tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức. Dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ thực hiện hoàn thành kế hoạch giao.

#### **4. Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025**

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2021 là 253 triệu đồng; đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện năm 2021. Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 nên chưa tổ chức các hoạt động.

#### **5. Đề án công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021**

Năm 2021, kinh phí được giao là 480 triệu đồng, hiện nay Ban Dân tộc tỉnh đã ký hợp đồng Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi là đơn vị nhận đặt hàng về việc sản xuất, phát sóng trên kênh truyền hình tỉnh chủ đề về tuyên truyền Đề án Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, xây dựng và ban hành Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội thi tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại các huyện, kế hoạch thực hiện trong quý II, tuy nhiên do tình hình dịch COVID-19 nên chưa tổ chức hội thi.

#### **6. Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2021**

Năm 2021, kinh phí được giao là 180 triệu đồng; Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện năm 2021, hiện nay đã ký kết Hợp đồng với Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi là đơn vị nhận đặt hàng về việc sản xuất, phát sóng trên kênh truyền hình tỉnh chủ đề về tuyên truyền Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021.

#### **7. Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về công tác dân tộc, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019**

Năm 2021, tổng kinh phí được giao là 690 triệu đồng; Ban Dân tộc tỉnh đang phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để triển khai thực hiện. Hiện nay, Ban Dân tộc tỉnh đã ký hợp đồng đơn vị tư vấn để khảo sát thiết kế và xây dựng dự toán “Xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa về công tác dân tộc”; đã ban hành Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết “Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý thông tin công tác dân tộc để hỗ trợ thông tin, tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, đang thực hiện hồ sơ, thủ tục để đấu thầu.

#### **8. Chính sách về chế độ cử tuyển học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Nghị định số 141/2021/NĐ-CP**

Từ đầu năm 2021 đến nay, chưa bố trí công tác cho học sinh, sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp ra trường; dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ bố trí công tác 06 sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp ra trường cho các huyện Minh Long, Ba Tơ.

### **9. Chính sách về phát triển cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016.**

Triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới của tỉnh Quảng Ngãi, kết quả thực hiện như sau:

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chiếm 29,76% trong tổng số biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc các huyện miền núi trong tỉnh.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chia theo các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và cấp xã, cụ thể:

- + Tỷ lệ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số làm việc ở các cơ quan hành chính cấp huyện chiếm 20,83%.

- + Tỷ lệ viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc ở các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện chiếm 19,83%.

- + Tỷ lệ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số làm việc ở cấp xã chiếm 61,12%.

- Tỷ lệ cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số chiếm 55,92% tại các cơ quan, đơn vị thuộc các huyện miền núi.

Năm 2021, công tác đào tạo, bồi dưỡng người dân tộc thiểu số, đạt một số kết quả:

Về đào tạo: đã cử 07 công chức, viên chức thuộc vùng dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi đi đào tạo trình độ thạc sĩ.

Về bồi dưỡng: đã phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức được 02 lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt cho 245 người, trong đó 14/245 cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số tham gia bồi dưỡng.

### **10. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm, chú trọng và thực hiện theo đúng quy định; thực hiện tốt công tác tuyên truyền về tôn giáo cho các chức sắc và người đồng bào dân tộc thiểu số hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật. Công tác giải quyết thực hiện các chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

được thực hiện đảm bảo. Tổ chức thăm hỏi các chức sắc trong các ngày lễ lớn, đồng thời gặp gỡ vận động chức sắc, chức việc các tôn giáo thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Tuyên truyền, vận động lãnh đạo các tổ chức tôn giáo động viên chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo phát huy tinh thần trách nhiệm, tự giác, tích cực chấp hành tốt các quy định của Đảng và nhà nước về công tác tôn giáo.

Chủ động hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức tôn giáo trực thuộc hoạt động theo quy định của pháp luật; quan tâm giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo, góp phần củng cố mối quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo ngày càng cởi mở, gắn bó hơn; tiếp tục giữ vững niềm tin của chức sắc, tín đồ đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của các cấp chính quyền. Qua đó, mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với các tổ chức tôn giáo ngày càng gắn gũi, gắn bó.

### **11. Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

Các địa phương đã phê duyệt kế hoạch cụ thể về tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn, đồng thời phân bổ kinh phí chi tiết từng hạng mục để thực hiện.

Đã triển khai thực hiện việc đấu thầu và lựa chọn nhà thầu để mua tài liệu, đồ dùng dạy và học tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số năm 2021 với kinh phí mua sắm là 498.159.000 đồng.

### **12. Đề án “Thực hiện thí điểm Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”**

Trong 02 năm, tất cả trẻ em mẫu giáo 5 tuổi và học sinh tiểu học tại các huyện miền núi đều được uống sữa đầy đủ, đúng quy định theo Đề án. Mỗi trẻ được uống sữa 3 hộp sữa tươi tiệt trùng/ tuần x 35 tuần thực học/ năm học. Tổng kinh phí đã thực hiện là 40.891.000.000 đồng từ ngân sách tỉnh và nguồn huy động hợp pháp khác. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Đề án đã thực hiện cho 28.946 trẻ 5 tuổi và học sinh tiểu học uống sữa với tổng kinh phí 19.772.000.000 đồng từ nguồn ngân sách tỉnh.

### **13. Hỗ trợ gạo cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ**

Tổng số học sinh năm học 2020-2021 được hỗ trợ gạo là 13.897 học sinh, trong đó khối huyện là 11.048 HS (Bậc tiểu học 6.311HS, bậc THCS 4743HS), khối các đơn vị trực thuộc Sở là 2.849 HS (các trường THPT). Số lượng gạo đã cấp cho học sinh là 1.861.875 kg, trong đó học kỳ I (5 tháng) 1.040.220 kg, học kỳ II (4 tháng) là 813.914 kg.

#### **14. Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú.**

Đã tổ chức bồi dưỡng tiếng Hrê và tiếng Cor cho cán bộ quản lý, giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú đáp ứng việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức bồi dưỡng cho 100% cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng) và giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú (không phải là người dân tộc thiểu số) kỹ năng giao tiếp với học sinh dân tộc thiểu số.

#### **15. Về công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện miền núi**

Tình hình sức khỏe của người đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục có những cải thiện đáng kể, thể hiện qua các chỉ số sức khỏe cơ bản: Tuổi thọ trung bình tiếp tục tăng; Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 4,8‰; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm xuống còn 31,7%.

#### **16. Về công tác phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số**

Trên cơ sở Kế hoạch công tác đầu năm, các đơn vị chức năng đã triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và công tác tham gia tố tụng và truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh như: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bầu cử hướng tới Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026; tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật tập trung tuyên truyền pháp luật liên quan đến phòng, chống tác hại của rượu bia và pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, phòng chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên; thực hiện truyền thông về Trợ giúp pháp lý tại các huyện miền núi; cử Trợ giúp viên và Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng để bào chữa, bảo vệ cho đối tượng là người dân tộc thiểu số...

#### **17. Về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch**

Trong năm 2021, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên hầu hết các hoạt động, sự kiện về công tác dân tộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch trong năm 2021 của Trung ương và địa phương không được phép tổ chức, bên cạnh đó, nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư, bố trí chưa đáp ứng hết yêu cầu thực tiễn, đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đáp ứng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Theo kế hoạch, năm 2021 đăng cai 01 hoạt động là đăng cai tổ chức Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XII, khu vực II, năm 2021 tại tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chưa tổ chức thực hiện.

## **II. Kết quả thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc do tỉnh ban hành**

### **1. Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu – 2021**

Tổng kế hoạch vốn giao là 9.498,06 triệu đồng. Các địa phương đã thực hiện hỗ trợ các mặt hàng thiết yếu (*các mặt hàng hỗ trợ gồm: nước mắm, dầu ăn, bột ngọt và muối Iốt*) cho 52.767 hộ đồng bào DTTS ở vùng miền núi với 199.817 khẩu. Tổng kinh phí thực hiện 9.492,249 triệu đồng.

### **2. Chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND**

Năm 2021, UBND tỉnh chưa phân bổ kinh phí để thực hiện chính sách này. Nguyên nhân: Hiện nay UBND tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh thanh tra việc triển khai thực hiện chính sách này từ cuối năm 2020 để làm cơ sở phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện đảm bảo quy định.

### **3. Chương trình phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông.**

Trên cơ sở quyết định phân khai kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu và nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021, UBND tỉnh đã giao Ban Dân tộc tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào DTTS tham gia đảm bảo TTATGT tại một số huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi năm 2021. Hiện nay đang chuẩn bị nội dung để tổ chức các đợt tuyên truyền trên địa bàn huyện miền núi.

### **4. Chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017**

Tổng kinh phí được bố trí trong năm 2021 là 541 triệu đồng, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

### **5. Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 10/8/2020**

Tổng kinh phí được bố trí trong năm 2021 là 1.500 triệu đồng, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

### **6. Về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch**

Dự kiến tổ chức lễ công bố, trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể lần thứ Ba - năm 2021.

## **III. Đánh giá chung**

### **1. Thuận lợi**

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; các



sở ngành và địa phương đã chủ động triển khai, phối hợp thực hiện ngay từ đầu năm 2021. Một số chính sách dân tộc đã thực hiện hoàn thành góp phần cho ổn định, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN, như chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu - 2021 và nhiều chính sách khác; công tác hành chính, quản trị, tài chính, báo cáo được thực hiện kịp thời, đảm bảo kế hoạch đề ra.

## **2. Khó khăn**

- Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, nên việc triển khai thực hiện một số chính sách gặp khó khăn; hiện nay các hoạt động tuyên truyền, tập huấn thuộc các chính sách dân tộc chưa được triển khai thực hiện. Điều kiện cơ sở vật chất ở vùng đồng bào DTTS và miền núi còn hạn chế nên khó khăn trong việc chuyển đổi hình thức tuyên truyền, tập huấn qua hình thức trực tuyến.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN chưa được phê duyệt, các Bộ, ngành TW chưa có văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đã gây chậm trễ, lúng túng cho địa phương trong công tác chuẩn bị triển khai thực hiện.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2022 VÀ GIAI ĐOẠN NĂM 2022-2024**

#### **I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

##### **1. Mục tiêu**

Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung của các Chương trình, chính sách góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin*), trong đó ưu tiên tập trung vào các nội dung cấp thiết như: Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; sắp xếp bố trí ổn định dân cư ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nhất là vùng nguy cơ cao về thiên tai; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, đảm bảo cho người dân có thu nhập ổn định từ bảo vệ và phát triển rừng, bảo đảm sinh kế bền vững. Phấn đấu mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%.

##### **2. Nhiệm vụ chủ yếu**

Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới. Triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững ở các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được xác định tại Nghị quyết số

88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và các chương trình, chính sách dân tộc khác.

- Nghiên cứu xây dựng các chính sách, các mô hình sản xuất nông lâm nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và phong tục sản xuất của người dân ở vùng đồng bào DTTS và miền núi để phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của vùng; xây dựng chương trình cụ thể về trồng các loại cây dược liệu; trồng cây gỗ lớn để phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với công nghiệp chế biến theo hướng xuất khẩu.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh; phát triển toàn diện các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục và công tác giảm nghèo bền vững để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các DTTS.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tâm tư, thông tin về tình hình vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời.

## **II. Dự kiến kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030**

### **1. Dự kiến kế hoạch thực hiện trong 2021 và năm 2022**

a) Dự kiến nhu cầu vốn năm 2021 (đề nghị chuyển sang thực hiện năm 2022) là: 591.900 triệu đồng: Ngân sách Trung ương là 467.672 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 218.818 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 349.491 triệu đồng); ngân sách địa phương là 19.799 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 3.713 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 16.086 triệu đồng); vốn chính sách tín dụng là 93.538 triệu đồng; vốn huy động khác là 10.892 triệu đồng.

b) Dự kiến nhu cầu vốn năm 2022 là 888.859 triệu đồng: Ngân sách Trung ương là 690.094 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 290.908 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 399.186 triệu đồng); ngân sách địa phương là 31.678 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 5.940 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 25.738 triệu đồng); vốn chính sách tín dụng là 149.661 triệu đồng; vốn huy động khác là 17.427 triệu đồng.

### **2. Dự kiến kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025.**

Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021 – 2025 là 3.703.578 triệu đồng: Ngân sách Trung ương là 2.875.390 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 1.212.115 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 1.663.275 triệu đồng); ngân sách địa phương là 131.991 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 24.750 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 107.241 triệu đồng); vốn chính sách tín dụng là 623.586 triệu đồng; vốn huy động khác là 72.611 triệu đồng.

*(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

### III. Một số giải pháp chủ yếu

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh, để sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình kịp thời hoàn chỉnh và trình cấp có thẩm quyền địa phương để triển khai thực hiện.

- Huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; lồng ghép các nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững và các Chương trình, chính sách khác để phát triển khi tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành trong thời gian qua trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong việc chủ động triển khai thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở ngành để hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện các Chương trình chính sách dân tộc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và cộng đồng, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo trong việc thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo. Tuyên truyền để hộ nghèo nỗ lực, phấn đấu vươn lên thoát nghèo, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách cấp không của của Nhà nước.

Kính báo cáo Ủy ban Dân tộc theo dõi, tổng hợp./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện miền núi;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KTTiền563

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Phiên**

**DỰ KIẾN TỔNG THU CẦU VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÙNG ĐÔNG BẮC ĐÀN TỘC THỂ HỒ SỔ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ DỰ KIẾN VỐN THỰC HIỆN NĂM 2021, 2022 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**  
2.873.390  
**QUẢNG NGÃI**  
(Ký, in, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ và số) **5091/UBND-KT** ngày **30** /9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Chi tiêu	Tổng thu cầu vốn giải quyết 2021 - 2025										Dự kiến kế hoạch vốn năm 2021										Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022							
		Tổng số	NSTW		NSDP		Vốn đầu tư		Vốn huy động khác		Tổng số	NSTW		NSDP		Vốn đầu tư		Vốn huy động khác		Tổng số	NSTW		NSDP		Vốn đầu tư		Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	<b>TỔNG CỘNG</b>	3.703.578	1.212.115	1.602.252	244.50	107.241	623.586	72.611	591.900	218.181	249.491	3.713	16.086	93.538	10.892	888.859	290.908	399.186	5.940	25.738	149.661	17.427							
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, mở rộng sinh hoạt	564.699	81.000	212.389	-	-	239.946	23.000	87.135	14.580	31.858	-	1.255	35.992	3.450	135.528	19.440	50.973	-	2.007	57.587	5.520							
2	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	269.010	249.340	19.670	-	-	-	-	47.832	44.881	2.951	-	-	-	-	64.562	59.842	4.721	-	-	-	-							
3	DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.354.121	29.000	889.637	6.000	8.137	383.640	37.707	203.988	5.220	133.446	900	1.221	57.546	5.656	324.989	6.960	213.513	1.440	1.953	92.074	9.050							
4	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	720.050	642.000	78.050	-	-	-	-	127.268	115.560	11.708	-	-	-	-	172.812	154.080	18.732	-	-	-	-							
5	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	309.322	131.875	129.287	-	48.160	-	-	50.355	23.738	19.393	-	7.224	-	-	74.237	31.650	31.029	-	11.558	-	-							
6	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn bản truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	166.268	78.900	35.016	18.750	21.698	-	11.904	27.307	14.202	5.252	2.813	3.255	-	1.786	39.904	18.936	8.404	4.500	5.208	-	2.857							
7	DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	81.825	-	66.460	-	15.365	-	-	12.274	-	9.969	-	2.305	-	-	19.638	-	15.950	-	3.688	-	-							
8	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	116.532	-	116.532	-	-	-	-	17.480	-	17.480	-	-	-	-	27.968	-	27.968	-	-	-	-							
9	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	59.751	-	58.117	-	1.634	-	-	8.963	-	8.718	-	245	-	-	14.340	-	13.948	-	392	-	-							
10	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	62.000	-	58.117	-	3.883	-	-	9.300	-	8.718	-	582	-	-	14.880	-	13.948	-	932	-	-							